

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố 02 thủ tục hành chính mới ban hành; 10 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan để kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành, 10 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (08 TTHC cấp tỉnh; 02 TTHC cấp huyện) lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ 02 TTHC cấp tỉnh số thứ tự 9, 13 tại Quyết định số 3542/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố 17 TTHC lĩnh vực tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu áp dụng giải quyết tại cấp tỉnh được chuẩn hóa tên và nội dung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai; 02 TTHC công bố tại Quyết định số 3544/QĐ -UBND ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố 02 TTHC lĩnh vực tài nguyên nước áp dụng giải quyết tại cấp huyện được chuẩn hóa tên và nội dung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai; 06 danh mục TTHC số thứ tự 9, 10, 11, 12, 13, 14 đã được công bố tại Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục 21 TTHC lĩnh vực môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC (VP Chính phủ);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Như điều 3 QĐ;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT_{3,4}.

CHỦ TỊCH

Trịnh Xuân Trường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÀO CAI**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (02 thủ tục hành chính cấp tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất do UBND tỉnh cấp					
1.1	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, cơ quan xác nhận đăng kí có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân.	- Bộ phận Một cửa UBND cấp xã - Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước 2012 - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước
1.2	Đăng ký khai thác sử dụng nước dưới đất	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, cơ quan xác nhận đăng kí có trách nhiệm	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước 2012 - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính

			kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân.	dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).		phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước
2	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép tài nguyên nước	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước 2012 - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH (08 thủ tục)

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc	36 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận, số	- Lưu lượng nước	- Luật Tài nguyên

	thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm (mã TTHC: 1.004232)	qua đường bưu điện hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến		<p>hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7).</p> <p>- Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).</p>	<p>dưới 200m³/ngày đêm: 300.000 đồng/đề án, báo cáo</p> <p>- Lưu lượng nước từ 200m³/ngày đêm đến dưới 500m³/ngày đêm: 900.000 đồng/đề án, báo cáo</p> <p>- Lưu lượng nước từ 500m³/ngày đêm đến dưới 1.000m³/ngày đêm: 2.000.000 đồng/đề án, báo cáo</p> <p>- Lưu lượng nước từ 1.000m³/ngày đêm đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 4.000.000 đồng/đề án, báo cáo</p>	<p>nước 2012</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Lào Cai</p>
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm (mã TTHC: 1.004228)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến	31 ngày làm việc	<p>- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7).</p> <p>- Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).</p>	<p>- Lưu lượng nước dưới 200m³/ngày đêm: 150.000 đồng/đề án, báo cáo</p> <p>- Lưu lượng nước từ 200m³/ngày đêm đến dưới 500m³/ngày đêm: 450.000 đồng/đề án, báo cáo</p> <p>- Lưu lượng nước từ 500m³/ngày đêm đến dưới 1.000m³/ngày đêm: 1.000.000 đồng/đề án, báo cáo</p> <p>- Lưu lượng nước từ 1.000m³/ngày đêm đến dưới</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước 2012</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Lào Cai</p>

					3.000m ³ /ngày đêm: 2.000.000 đồng/đề án, báo cáo	
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm (mã TTHC: 1.004223)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến	36 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).	- Lưu lượng nước dưới 200m ³ /ngày đêm: 300.000 đồng/đề án, báo cáo - Lưu lượng nước từ 200m ³ /ngày đêm đến dưới 500m ³ /ngày đêm: 900.000 đồng/đề án, báo cáo - Lưu lượng nước từ 500m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000m ³ /ngày đêm: 2.000.000 đồng/đề án, báo cáo - Lưu lượng nước từ 1.000m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm: 4.000.000 đồng/đề án, báo cáo	- Luật Tài nguyên nước 2012 - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước
4	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm (mã TTHC: 1.004211)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến	31 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Cổng dịch vụ công (dịch	- Lưu lượng nước dưới 200m ³ /ngày đêm: 150.000 đồng/đề án, báo cáo - Lưu lượng nước từ 200m ³ /ngày đêm đến dưới 500m ³ /ngày đêm: 450.000 đồng/đề án, báo cáo - Lưu lượng nước từ 500m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000m ³ /ngày đêm: 1.000.000	- Luật Tài nguyên nước 2012 - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước

				vụ công trực tuyến).	đồng/đề án, báo cáo - Lưu lượng nước từ 1.000m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm: 2.000.000 đồng/đề án, báo cáo	
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến	36 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).	- KT sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m ³ /s hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước dưới 500 m ³ /ngày đêm: 500.000/đề án - KT sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m ³ /s đến dưới 0,5m ³ /s hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kW hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước Từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm: 1.500.000 đồng/đề án - KT sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m ³ /s đến	- Luật Tài nguyên nước 2012 - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Lào Cai

	lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm (mã TTHC: 1.004179)				dưới 1m ³ /s hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1000kW hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 20.000m ³ /ngày đêm: 3.500.000 đồng/đề án - KT sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1m ³ /s đến dưới 2m ³ /s hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2000kW hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ 20.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000m ³ /ngày đêm: 6.500.000 đồng/đề án	
6	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến	31 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2012 - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước

	<p>dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây;</p> <p>phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000 m³/ngày đêm trở lên (mã TTHC: 1.004167)</p>			<p>khối 6 và trụ sở khối 7).</p> <p>- Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).</p>		
7	Cấp lại Giấy phép tài nguyên nước (mã TTHC: 1.000824)					
7.1	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước dưới đất	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến	16 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7).	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2012 - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước

				- Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).		
7.2	Cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến	16 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2012 - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước
8	Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến (mã TTHC: 1.001740)	Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.	- Đối với các dự án không có chuyên nước từ nguồn nước liên tỉnh: bốn mươi (40) ngày làm việc, - Đối với các dự án có chuyên nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh : sáu mươi (60) ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).	- Phí, lệ phí: - Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước 2012 - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN (02 thủ tục)

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất (mã TTHC: 1.001662)	Ủy ban nhân dân cấp xã phát trực tiếp tờ khai cho tổ chức, cá nhân; Tổ chức cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc UBND cấp huyện.	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” cấp xã hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” cấp huyện	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2012 - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước
2	Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lấy ý kiến (mã TTHC: 1.001645)	Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện.	- Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: 30 ngày làm việc, - Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: 40 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” cấp huyện	- Phí, lệ phí: - Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước 2012 - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước

Ghi chú: Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được tích hợp (tổng hợp) với nội dung Quyết định số 438/QĐ-BTTTT ngày 01/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế TTHC	Ghi chú
I	Danh mục TTHC cấp tỉnh		
1	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước		TTHC số thứ tự 9, 13 đã được công bố tại Quyết định số 3542/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố 17 thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu áp dụng giải quyết tại cấp tỉnh được chuẩn hóa tên và nội dung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai
2	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước	
3	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm		TTHC số thứ tự 9,10, 11, 12, 13, 14 đã được công bố tại Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục 21 TTHC lĩnh vực môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.
4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm		
5	Cấp giấy phép, khai thác sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước	
6	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nước dưới 3.000m ³ /ngày đêm		

7	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm		
8	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ / ngày đêm		
II	Danh mục TTHC cấp huyện		
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất		02 TTHC cấp huyện được công bố tại Quyết định số 3544/QĐ -UBND ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố 02 TTHC lĩnh vực tài nguyên nước áp dụng giải quyết tại cấp huyện được chuẩn hóa tên và nội dung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai
2	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước	